



DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Vật tư tiêu hao đo PLT cho giếng khoan, Lô 09-2/09 /

Расходные материалы PLT для скважины на Блоке 09-2/09

Số ĐHXN - № заявки: 36.XDVL-0147/25-TTH

STT П/п	Mã Vật Tư Код MTP	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование MTP/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ					
Nhóm 1: Vật tư cho máy giếng					
1	00.009.004.00054	Lithium Battery 5C high rate 165C / Литиевая батарея типа 5C 165C - Pin cho đo MPLT BAT-09E	Theo yêu cầu kỹ thuật	CUC	4,00
2	00.114.008.01580	Подшипник шариковый 9мм/ Bearing Radial Ball 9mm OD	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	20,00
3	00.114.008.01816	Càng định tâm PSC-1-3/8 x 5-1/2 / Assy Spgbow PSC 1-3/8 x 5-1/2 Casing лапа центратора PSC 1-3/8 x 5-1/2"	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	10,00
Nhóm 2: Vật tư cho trạm tời & PCE					
4	00.114.008.01989	Phụ tùng cho GICH Exwell / Redress kit for GICH Exwell	Theo yêu cầu kỹ thuật	set	2,00
5	00.114.008.01990	Phụ tùng cho BOP Exwell / Redress kit for BOP Exwell	Theo yêu cầu kỹ thuật	set	2,00
6	00.114.017.00388	Bầu lọc tách nước / Fuel Prefilter / Water Separater Element	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	4,00
7	00.114.017.00389	Bầu lọc nhiên liệu / Fuel Filter Element	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	4,00
8	00.040.009.03696	Stuffing box rubber for 7/32"/ Резиновые уплотнения для сальникового лабиринта	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	10,00
9	00.040.009.01563	Line wiper 7/32" / Резина очистителя кабеля (Line wiper) для кабеля 7/32" Cao su bóp cáp	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	10,00
Nhóm 3: O-ring và dung dịch làm sạch bề mặt					
10	00.114.008.01733	O-ring 211 Viton 90 - Кольцо маслостойкое 211 Viton 90	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	100,00
11	00.114.008.01494	O-ring 340 - Viton 90	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	20,00



12	00.031.008.00018	Azрозоль для чистки контактов - Bình xịt công tắc	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	12,00
13	00.045.013.00074	Azрозоль от ржавчины - Bình xịt gỉ.	Theo yêu cầu kỹ thuật	pce	12,00

II. DỊCH VỤ

(*): *New items*



YÊU CẦU KỸ THUẬT VỀ
VẬT TƯ TIÊU HAO ĐO PLT CHO GIẾNG KHOAN, LÔ 09-2/09

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

- Mục đích sử dụng: Vật tư sử dụng trong quá trình đo kiểm tra công nghệ khai thác PLT/MPLT, sau đây gọi tắt là “hàng hóa”.
- Điều kiện môi trường sử dụng: Các hàng hoá sử dụng cho thiết bị Địa vật lý phải đáp ứng được các yêu cầu làm việc trong điều kiện môi trường trên giàn khoan biển.

2. ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG:

- Điều kiện công nghệ - kỹ thuật nơi sử dụng vật tư: Ngoài khơi trong hoạt động dầu khí.
- Tính chất lý - hóa của môi trường làm việc, sản phẩm: Môi trường công nghiệp khai thác dầu khí.

3. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA:

- Năm sản xuất: Hàng mới và chưa sử dụng, được sản xuất không trước năm 2024.
- Số lượng hàng hóa: Chào hàng đúng số lượng cho từng mục theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.
- Khả năng tương thích: Hàng hóa cung cấp phải phù hợp và tương thích khi sử dụng cho các thiết bị đo kiểm tra khai thác và bán mìn đang sử dụng tại xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan - Vietsovpetro.
- Thời hạn bảo hành vật tư: 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

4. CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH:

- Tiêu chuẩn chất lượng: Chào thầu phải có tên nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa, phải thể hiện các tiêu chuẩn, quốc gia, quốc tế phù hợp mà nhà sản xuất áp dụng cho từng mục hàng hóa. Hàng hoá phải được sản xuất bởi nhà sản xuất gốc hoặc nhà thầu phụ được ủy quyền.
- Kiểm tra và chứng nhận: Các hàng hoá phải được kiểm tra, và lập biên bản kiểm tra trước khi làm thủ tục nghiệm thu.
- Tuân thủ quy định: Các hàng hoá cung cấp phải đảm bảo an toàn khi sử dụng, thuận lợi cho việc vệ sinh công nghiệp và an toàn môi trường.



- Sức khỏe và an toàn: Tính chất lý – hóa và khả năng bảo toàn của hàng hóa hoạt động tốt dưới tác dụng của môi trường xung quanh và môi trường làm việc.

5. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

- Yêu cầu về tính năng/ thông số kỹ thuật chính/ chế tạo/ nguyên vật liệu chế tạo: Đáp ứng các thông số kỹ thuật chính theo mô tả và ký hiệu của hàng hóa trong bảng Danh mục 1 phía dưới.
- Yêu cầu về đảm bảo các phương tiện cho sử dụng, bảo quản vật tư và đảm bảo an toàn (dụng cụ phụ trợ; tài liệu hướng dẫn kỹ thuật; hướng dẫn về mở hàng và đóng hàng, catalogue, bản vẽ...): Hàng hóa phải có đầy đủ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kèm theo (nếu có).

➤ **Bảng danh mục hàng hóa 1 (Tên gọi, mã hiệu & các thông số kỹ thuật chính):**

STT	Mô tả, tên vật tư	Chi tiết kỹ thuật, ký mã hiệu hàng hóa
I	Nhóm 1: Vật tư cho máy giếng	
1	Pin đo MPLT (BAT-09E)	BAT-09E - Battery type: Lithium Batteries 5C High Rate 1650C - Operating temperature: -200C to 1650C Open circuit voltage: 19.5 V - Rated capacity: 6.2 Ah - Maximum continuous current: 500 mA - Lithium content: 9.5 g - Battery diameter: 26.5 mm - Battery length: 328 mm Manufactured by STEATITE LTD - UK
2	Vòng bi 9mm	P/N: 01155 - Manufactured by Sondex
3	Càng định tâm PSC 1-3/8"	P/N: 13951 - Manufactured by Sondex
II	Nhóm 2: Vật tư cho trạm tời & PCE	
1	Phụ tùng GICH Exwell	Redress kit for Gich Assy Consist of Oring, Back-Up ring & Screws P/N: E12002859-RK Manufactured by Exwell
2	Phụ tùng BOP Exwell	Redress kit for 3" Light weight Wireline Valve P/N: E12004841-RK Manufactured by Exwell
3	Bầu lọc tách nước	P/N: 252 – 6338 CAT hoặc tương đương
4	Bầu lọc nhiên liệu	P/N: 299 – 8229 CAT hoặc tương đương



STT	Mô tả, tên vật tư	Chi tiết kỹ thuật, ký mã hiệu hàng hóa
5	Cao su Stuffing box cho cáp 7/32"	Stuffing box rubber for 7/32" cable size - Service: crude oil, natural gas, water with CO ₂ , H ₂ S environment - Material: HNBR - Exwell P/N: E11000135V-C or equivalent
6	Cao su Line Wiper cho cáp 7/32"	Line Wiper rubber for 7/32" cable - Material: NBR - Exwell P/N: E11000118-C or equivalent
III	Nhóm 3: O-ring và dung dịch làm sạch bề mặt	
1	O-ring 211, Viton 90	Oring size: 211 Material: Fluorocarbon (Viton®) Shore Hardness: 90 - Shore A Max Temp: ≥ 120 DegC
2	Oring 340 - Viton 90	Oring size: 340 Material: Fluorocarbon (Viton®) Shore Hardness: 90 - Shore A Max Temp: ≥ 120 DegC
3	Bình xịt bo mạch	CRC CO Contact Cleaner Code: 2016 Net Wt. 350grams
4	Bình xịt gỉ	WD40, 412ml

➤ Chào hàng được đánh giá đạt kỹ thuật:

Nhà thầu có thể chào theo nhóm hoặc trọn gói. Chào thầu chỉ được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật của mỗi nhóm nếu chào đủ số lượng và đạt yêu cầu kỹ thuật tất cả các mục trong nhóm mà mình tham dự.

6. XUẤT XỨ HÀNG HÓA:

- Nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa: Châu Á, Châu Âu hoặc các nước G7

7. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO:

- Thời hạn giao hàng: 06 tháng tính từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Tại Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan
- Số lần giao hàng: 01 lần cho mỗi nhóm hàng hóa.

8. SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA:

- Đơn vị tính và số lượng hàng hóa được thể hiện trong bảng danh mục hàng hóa.
- Yêu cầu đóng gói: hàng hóa cung cấp theo hợp đồng sẽ phải đóng gói phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Nếu có bất cứ hư hỏng gì trong quá trình vận chuyển, lưu giữ thì nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa mới.
- Trên kiện hàng hóa phải được hiển thị số lượng mặt hàng và P/N của hàng hóa phù hợp với Đơn đặt hàng.

9. YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Áp dụng Quy định “Quản lý an toàn - sức khỏe - môi trường đối với các nhà thầu” mã tài liệu VSP-000-ATMT-448. Các hàng hoá cung cấp phải đảm bảo an toàn khi sử dụng, thuận lợi cho việc vệ sinh công nghiệp và an toàn môi trường.

10. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT (TECHNICAL DOCUMENTATION REQUIREMENTS):

- Yêu cầu tài liệu kỹ thuật khi giao hàng (Request for technical documentation upon delivery): Yêu cầu tất cả tài liệu cần thiết, bao gồm sách hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật và hồ sơ chứng nhận (nếu có)

11. CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT:

- Chứng chỉ xuất xứ (CO) đối với hàng nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp: bản gốc hoặc bản điện tử có đường liên kết để kiểm chứng hoặc bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu/ nhà cung cấp.
- Chứng chỉ chất lượng (CQ) hoặc chứng chỉ phù hợp (COC) và chứng chỉ số lượng do nhà sản xuất cấp bản gốc hoặc bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu/ nhà cung cấp.
- Chứng chỉ bảo hành của nhà cung cấp (bản gốc)

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA HÀNG HÓA VỚI ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT CỦA VIETSOVPETRO:

- Các đề xuất kỹ thuật sẽ được đánh giá là Đạt hoặc Không Đạt dựa các Tiêu chí đánh giá kỹ thuật kèm theo.



“Phê duyệt”
Phó giám đốc

Signed by: Nguyễn Duy Ngọc
Date: 23/07/2025 09:46:33
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Duy Ngọc

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT BẰNG PHƯƠNG PHÁP “ĐẠT” – “KHÔNG ĐẠT”
VẬT TƯ TIÊU HAO ĐO PLT GIẾNG KHOAN, LỒ 09-2/09

STT	Tên gọi các tiêu chí	Đánh giá “Đạt/Không đạt”	Lý do không đạt	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG			
1.1	Đúng mục đích sử dụng			Mục 1 - YCKT
1.2	Đúng điều kiện môi trường vận hành (điều kiện khí hậu, an toàn chống cháy, nổ)			Mục 1 & 2 - YCKT
2	YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VẬT TƯ			
2.1	Năm sản xuất			Mục 3 - YCKT
2.2	Sự tương thích với thiết bị hiện có			Mục 3 - YCKT
2.3	Thời hạn bảo hành hàng hóa			Mục 3 - YCKT
3	CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH			
3.1	Đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng/ Kiểm tra và chứng nhận/ Tuân thủ quy định			Mục 4 - YCKT
3.2	Đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn được yêu cầu			Mục 4 - YCKT
4	YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT			
4.1	Đáp ứng yêu cầu về tính năng hàng hóa			Mục 5 - YCKT
4.2	Đáp ứng yêu cầu về các thông số kỹ thuật			Mục 5 - YCKT
5	XUẤT XỨ HÀNG HÓA			
5.1	Đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa			Mục 5 & 6 - YCKT
5.2	Hãng sản xuất			Mục 5 & 6 - YCKT

5.3	Nước sản xuất			Mục 5 & 6 - YCKT
6	THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG			
6.1	Đáp ứng yêu cầu về thời gian giao hàng			Mục 7 - YCKT
6.2	Đáp ứng yêu cầu về địa điểm giao hàng			Mục 7 - YCKT
6.3	Đáp ứng yêu cầu về số lần giao hàng			Mục 7 - YCKT
7	SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA			
7.1	Đáp ứng yêu cầu về số lượng hàng hóa cung cấp			Mục 8 - YCKT
7.2	Đáp ứng các yêu cầu về đóng gói			Mục 8 - YCKT
8	YÊU CẦU VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH CÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG			
8.1	Áp dụng Quy định mã tài liệu VSP-000-ATMT-448. An toàn khi sử dụng, thuận lợi cho việc vệ sinh công nghiệp và an toàn môi trường.			Mục 9 - YCKT
9	YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT			
9.1	Đáp ứng yêu cầu về cung cấp tài liệu			Mục 10 - YCKT
10	CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT			
10.1	Đáp ứng yêu cầu về cung cấp các chứng chỉ			Mục 11 - YCKT

CÁC TIÊU CHÍ KHÁC:

Chào hàng được coi là đáp ứng YCKT: Tất cả các tiêu chí đều **Đạt**

